



Số / Seriennummer
218/UBND-TP
Mã QR: HN-2026-SPX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Zertifikat zur Bestätigung des Familienstands ("Ledigkeitsbescheinigung") - Formular TP/HT-2020-TTHN gemäß dem Personenstandsgesetz, dem Dekret Nr. 123/2015/NĐ-CP und dem Rundschreiben Nr. 04/2020/TT-BTP

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN

① Họ, chữ đệm, tên Vollständiger Name JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE
Ngày, tháng, năm sinh Geburtsdatum 12/06/1985
Giới tính Geschlecht Nam
Quốc tịch Staatsangehörigkeit Pháp (France) — cá nhân nước ngoài
Hộ chiếu số Passnummer 00 SPECIMEN 00
Nơi cư trú Wohnsitz Căn 1804, chung cư THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN / Erklärung zum Familienstand

② Thời gian cư trú được xác nhận Erfasster Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/03/2026
Aufenthaltszeitraum
③ Tình trạng hôn nhân trong thời gian nêu trên Chưa đăng ký kết hôn với ai
Familienstand während dieses Zeitraums
Tình trạng hôn nhân tại thời điểm cấp Giấy Familienstand Hiện tại: Chưa đăng ký kết hôn
zum Zeitpunkt der Ausstellung

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA GIẤY / Zweck und Gültigkeit

④ Giấy này được cấp để Diese Bescheinigung wird Sử dụng làm thủ tục xác lập tài sản riêng khi nhận chuyển nhượng
ausgestellt für bất động sản tại Việt Nam
⑤ Giá trị sử dụng Gültigkeitsdauer 06 tháng kể từ ngày cấp — đến hết ngày 10/09/2026

⑥ Số vào sổ hộ tịch Eintragungsnummer im Personenstandsregister:
XN 00218 / 2026



⑦ Gültigkeit prüfen · specimen

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
UBND PHƯỜNG XUÂN TẢO, QUẬN BẮC TỪ
LIÊM, TP. HÀ NỘI
CHỦ TỊCH UBND



<SPECIMEN>

Das *Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân* (Ledigkeitsbescheinigung / Familienstandsbescheinigung), Feld für Feld

Diese Bescheinigung belegt, dass ein Käufer ledig ist, sodass eine Immobilie als persönliches Alleineigentum und nicht als eheliches Gemeinschaftsvermögen eingetragen werden kann. Die Markierungen ①–⑦ verweisen auf das Faksimile auf der vorherigen Seite. Specimen-Dokument — fiktive Daten.

① Identität — *Họ, chữ đệm, tên, quốc tịch, hộ chiếu*

Name, Staatsangehörigkeit und Passnummer des Inhabers müssen **exakt mit der Identität** im Kaufvertrag und in der Grundbuchakte übereinstimmen.

RED FLAG Name oder Passnummer weichen vom Kaufvertrag ab, oder die Schreibweise stimmt nicht mit dem Reisepass überein.

② Aufenthaltszeitraum — *Thời gian cư trú được xác nhận*

Der genaue Zeitraum, den das zuständige Ward-Volkskomitee als abgedeckt bestätigt. Er sollte sich mit der tatsächlichen Aufenthaltskarte / dem Visum des Käufers überschneiden und nahe an das Unterzeichnungsdatum heranreichen.

RED FLAG Lücke zwischen dem bestätigten Zeitraum und dem Datum der Transaktion, oder die Adresse stimmt nicht mit dem tatsächlichen Wohnsitz des Käufers überein.

③ Erklärter Familienstand — *Tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai*

Die zentrale Aussage: Während des erfassten Zeitraums wurde keine Ehe eingetragen. Dies ist die Grundlage dafür, dass die künftige Immobilie als **Alleineigentum** des Käufers behandelt werden kann.

RED FLAG Jede Erwähnung einer Ehe, einer Scheidung oder des Namens eines Ehepartners, die sich nicht anderswo in der Akte wiederfindet.

④ Verwendungszweck — *Giấy này được cấp để*

Eine vietnamesische Familienstandsbescheinigung ist nur für den **genau angegebenen Zweck** gültig. Eine Bescheinigung, die “zur Eheschließung” ausgestellt wurde, kann nicht für eine Immobilientransaktion wiederverwendet werden — der Notar oder das Grundbuchamt wird sie zurückweisen.

RED FLAG Der angegebene Zweck steht in keinem Zusammenhang mit der Immobilientransaktion, oder das Feld ist leer gelassen.

⑤ Gültigkeitsdauer — *Giá trị sử dụng: 06 tháng*

Anders als das Rosa Buch verfällt dieses Dokument schnell: nur **6 Monate ab dem Ausstellungsdatum** (Dekret 123/2015). Verzögert sich die Unterzeichnung, muss es erneuert werden.

RED FLAG Die Bescheinigung ist am Tag der Unterzeichnung des Kaufvertrags oder der notariellen Urkunde bereits abgelaufen.

⑥ Registrierungsnummer — *Số vào sổ hộ tịch*

Eintragungsnummer im Personenstandsregister des ausstellenden Volkskomitees (UBND). Damit lässt sich die Bescheinigung beim ausstellenden Ward-Büro überprüfen.

⑦ QR-Code & Seriennummer — *Số, mã QR*

Neuere Bescheinigungen tragen eine Seriennummer und einen Prüf-QR-Code. Auf einem echten Dokument müssen beide mit dem Register des ausstellenden Ward-Büros übereinstimmen.

RED FLAG Fehlender QR-Code, oder Seriennummer stimmt nicht mit dem gedruckten Registereintrag überein.